



Bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh

HOÀNG THỊ HUỆ^a, NGUYỄN HẢI ANH^a, PHẠM NGỌC TOÀN^b, NGUYỄN THU THẢO^a,
NGUYỄN HẢI NAM^a, NGUYỄN CAO HÀ TRANG^a, NGUYỄN KHÁNH HẰNG^a

^a Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

^b Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 06/02/2024 Ngày nhận lại: 11/04/2024 Duyệt đăng: 11/04/2024 Mã phân loại JEL: E24; J21. Từ khóa: Bất bình đẳng; Blinder-Oaxaca; O*NET; Việc làm xanh. Keywords: Inequality; Blinder-Oaxaca; O*NET; Green jobs.	Việt Nam đang thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, trong đó, việc làm xanh là giải pháp chiến lược quan trọng. Tuy nhiên, nội hàm và cách thức xác định việc làm xanh tại Việt Nam chưa thống nhất. Do vậy, bài viết đề xuất phương pháp xác định và đo lường việc làm xanh tại Việt Nam dựa trên cách tiếp cận mạng thông tin nghề nghiệp O*NET của Mỹ. Đồng thời, tập trung phân tích sự khác biệt về thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh qua bộ dữ liệu điều tra lao động việc làm giai đoạn 2020–2022, từ đó chỉ ra bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm lao động. Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca, nghiên cứu chỉ ra nhóm đặc điểm cá nhân và lao động - việc làm làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh; tuy nhiên, nhóm đặc điểm địa lý có tác động ngược lại. Theo đó, bài viết đề xuất một số khuyến nghị, như: Cần thống nhất khái niệm cũng như cách xác định việc làm xanh; cần xây dựng chiến lược phát triển và đánh giá việc làm xanh theo từng ngành, vùng và cả nước. Từ đó, góp phần hiện thực hóa chiến lược tăng trưởng xanh trong tương lai.

* Tác giả liên hệ.

Biên tập viên: Trần Lê Thùy Duyên.

Email: hoanghue@neu.edu.vn (Hoàng Thị Huệ); 11210501@st.neu.edu.vn (Nguyễn Hải Anh); ngoctoan.tkt@gmail.com (Phạm Ngọc Toàn); 11215442@st.neu.edu.vn (Nguyễn Thu Thảo); 11214120@st.neu.edu.vn (Nguyễn Hải Nam); 11218156@st.neu.edu.vn (Nguyễn Cao Hà Trang); 11212052@st.neu.edu.vn (Nguyễn Khánh Hằng).

Trích dẫn bài viết: Hoàng Thị Huệ, Nguyễn Hải Anh, Phạm Ngọc Toàn, Nguyễn Thu Thảo, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn Cao Hà Trang, & Nguyễn Khánh Hằng. (2024). Bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 35(3), 04-19.

Abstract

Vietnam has been implementing the National Green Growth Strategy over the period 2021–2030, in which promoting green jobs is a strategically important solution. However, the content and the measurement of green jobs in Vietnam have not been unified, so the paper proposes a method to identify and calculate green jobs in Vietnam according to The Occupational Information Network O*NET in the USA. Also, the study focuses on analyzing the income difference between green jobs and non-green jobs through the Labor Force Survey data over the period 2020–2022 to examine the income inequality between green jobs and non-green jobs. Besides, using the Blinder-Oaxaca decomposition method, the study shows that the group of individual characteristics and the group of labor and employment characteristics increase the income inequality between green jobs and non-green jobs, however, the opposite effect happens when it comes to geographical characteristics. According to the findings, the research proposes some recommendations such as the need to unify the definition and the identification method of green jobs as well as the need to develop a green job development and evaluation strategy for each industry, region, and the whole country, thereby, contributing to implementing the green growth strategy in the future.

1. Giới thiệu

Phát triển bền vững được hầu hết các quốc gia quan tâm khi biến đổi khí hậu, bất bình đẳng kinh tế và ô nhiễm môi trường xảy ra ở khắp nơi trên thế giới (Cao Thúy Xiêm và cộng sự, 2022). Trong đó, việc làm xanh là kết quả của quá trình chuyển đổi sang phát triển bền vững và là một phần quan trọng trong các nghiên cứu về nền kinh tế xanh (Kozar & Sulich, 2023). Việc làm xanh xuất hiện lần đầu vào năm 1999 trong định nghĩa của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) về ngành thân thiện với môi trường, cụ thể bao gồm việc làm sản xuất hàng hóa, dịch vụ để đo lường, ngăn ngừa, hạn chế và giảm thiểu thiệt hại đến môi trường. Sau đó, xuất hiện nhiều khái niệm khác nhau về việc làm xanh, đến năm 2016, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) đưa ra định nghĩa bao quát hơn, trong đó, việc làm xanh là việc làm thỏa đáng, góp phần bảo tồn, phục hồi môi trường trong lĩnh vực truyền thống và mới nổi. Tuy nhiên, chưa có định nghĩa và cách xác định việc làm xanh thống nhất trên toàn thế giới (Harris, 2021). Trong khi việc làm xanh đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế phát thải khí nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ và khôi phục hệ sinh thái, cũng như thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, nên nghiên cứu về việc làm xanh trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết (ILO, 2016).

Đến nay, Việt Nam chưa có khái niệm và phân tích hệ thống về việc làm xanh (Hạnh Lê, 2023). Từ đó, cản trở việc hoạch định và phát triển chính sách về phát triển xanh cũng như khó xác định các kỹ năng phù hợp với nhu cầu của việc làm xanh, làm thiếu nguồn nhân lực trong các ngành kinh tế xanh (Tổng cục Thống kê, 2023). Trên thế giới, phần lớn nghiên cứu lấy nền tảng từ định nghĩa của ILO nhưng khi áp dụng tại Việt Nam, cách tiếp cận này còn hạn chế, như khó đo lường tiêu chí ILO đưa ra hay thiếu chỉ tiêu để xác định chính xác việc làm xanh (Nguyễn Quỳnh Hoa, 2020). Do đó,

nghiên cứu kỳ vọng đưa ra một cách tiếp cận phù hợp và tiềm năng hơn khi tính toán về việc làm xanh tại Việt Nam.

Mặc dù việc làm xanh là việc làm tốt với mức lương trung bình cao hơn việc làm thông thường (Muro và cộng sự, 2011) nhưng chưa có nhiều nghiên cứu sâu về bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Các học giả trước đó khi nghiên cứu về bất bình đẳng thu nhập thường xem xét dưới góc độ giới (Fortin và cộng sự, 2017), giữa lao động chính thức và phi chính thức (Chen & Hamori, 2013), hay giữa các vùng đô thị (Florida & Mellander, 2016). Ngày nay, khi việc làm xanh là định hướng chiến lược quan trọng trong chiến lược tăng trưởng xanh; đồng thời, bất bình đẳng thu nhập từ lâu đã là chủ đề được quan tâm ở cả quốc gia phát triển và đang phát triển (Lê Quốc Hội, 2010) thì nghiên cứu sự khác biệt về thu nhập của lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh là cần thiết để đưa ra khuyến nghị, chính sách phù hợp.

Do đó, bài viết tập trung phân tích và làm rõ hai mục tiêu: (1) Xây dựng phương pháp xác định việc làm xanh tại Việt Nam; và (2) đánh giá bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đưa ra những khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc làm xanh, giảm bất bình đẳng thu nhập.

2. Tổng quan và cơ sở lý thuyết

2.1. Việc làm xanh

Mặc dù chưa có định nghĩa thống nhất về việc làm xanh trên thế giới nhưng các phương pháp tiếp cận có thể được chia thành hai loại: “từ trên xuống” và “từ dưới lên” (Valero và cộng sự, 2021).

Phương pháp tiếp cận “từ trên xuống” tập trung vào phân tích cấp ngành để phân loại ngành xanh, hoạt động xanh; theo đó, tất cả lao động trong ngành xanh và hoạt động xanh đều được coi là việc làm xanh. Cùng cách tiếp cận đó, ILO (2016) định nghĩa việc làm xanh là việc làm thỏa đáng, bao gồm các hoạt động góp phần bảo tồn hoặc phục hồi môi trường trong lĩnh vực truyền thống như sản xuất và xây dựng, hoặc trong lĩnh vực mới nổi như năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng.

Phương pháp tiếp cận “từ dưới lên” tập trung vào hai cấp độ tổ chức và nghề nghiệp. Dưới cấp độ tổ chức, việc làm xanh được xác định dựa trên đặc điểm cụ thể của tổ chức, là việc làm trong doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ có lợi cho môi trường hoặc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên (Bureau of Labor Statistics, 2012). Dưới cấp độ nghề nghiệp, dựa trên phân loại nghề nghiệp do O*NET - cơ sở dữ liệu phân loại nghề nghiệp ở Mỹ phát triển, việc làm xanh được chia làm ba loại: (1) Nhu cầu gia tăng xanh (Green ID), (2) kỹ năng nâng cao xanh (Green ES), và (3) xanh mới và mới nổi (Green NE). Trong đó, việc làm xanh được phân loại dựa trên tính “xanh” của nhiệm vụ, bất kỳ nghề nghiệp nào bị ảnh hưởng bởi quá trình xanh hóa sẽ được gọi là việc làm xanh (Valero và cộng sự, 2021).

Việt Nam chưa có định nghĩa thống nhất và phân tích hệ thống về việc làm xanh (Hạnh Lê, 2023). Các nghiên cứu trước đây thường sử dụng khái niệm theo cách tiếp cận “từ trên xuống” của ILO (Nguyễn Quỳnh Hoa, 2020). Tuy nhiên, cách tiếp cận này khi áp dụng vào bối cảnh Việt Nam chỉ ước lượng mà không tính cụ thể số lượng việc làm do hạn chế về mặt dữ liệu. Ngoài ra, tiếp cận theo cấp độ tổ chức có thể phân loại chưa chính xác việc làm xanh vì nó bao gồm tất cả việc làm có sản phẩm, dịch vụ xanh mà không xem xét nhiệm vụ đó có xanh hay không. Vì vậy, để khắc phục những

hạn chế trên, nhóm tác giả tiếp cận việc làm xanh theo cấp độ nghề nghiệp bởi các lý do sau: (1) Có đầy đủ các bằng chứng mã nghề để xác định mã nghề xanh tại Việt Nam, từ đó tính toán được cụ thể số lượng việc làm xanh; (2) O*NET phân loại việc làm xanh dựa theo nhiệm vụ nghề nghiệp, do đó tính “xanh” của việc làm sẽ được xem xét chi tiết. Phương pháp này cũng đã được áp dụng khi tính toán việc làm xanh ở các nước EU và Anh (Bowen & Hancké, 2019; Valero và cộng sự, 2021).

2.2. *Bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh*

Có nhiều định nghĩa về bất bình đẳng thu nhập trên thế giới và Việt Nam nhưng nhìn chung đều khá thống nhất. OECD (2011) định nghĩa bất bình đẳng thu nhập là chỉ số về cách phân bổ nguồn lực vật chất trong xã hội. Tại Việt Nam, hầu hết các nghiên cứu tiếp cận khái niệm này theo Tổng cục Thống kê (GSO, 2021), theo đó, bất bình đẳng thu nhập là “chênh lệch thu nhập và tài sản giữa các cá nhân, nhóm trong xã hội hay giữa các quốc gia”. Do đó, bài viết sử dụng khái niệm của GSO để phù hợp với bối cảnh và dữ liệu tại Việt Nam.

Việc làm xanh được thúc đẩy và phát triển nhằm giải quyết vấn đề về biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường (Al-Ammarat & Al-Mashaqaba, 2022), tuy nhiên, cũng tạo bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh do chênh lệch tiền lương (Jackman & Moore, 2021). Cụ thể, nghiên cứu tại Mỹ chỉ ra mức lương của việc làm xanh cao hơn việc làm gây ô nhiễm khoảng 2% do có xu hướng yêu cầu nhiều kỹ năng hơn (Bergant và cộng sự, 2022). Cùng quan điểm, Consoli và cộng sự (2016) chỉ ra việc làm xanh đòi hỏi lao động có vốn nhân lực cao hơn, từ đó trả nhiều lương hơn cho lao động có việc làm xanh. Bên cạnh đó, chuyển đổi từ ngành không xanh sang ngành xanh có thể dẫn đến bất bình đẳng thu nhập do khoảng cách tiền lương, bởi lao động có trình độ thấp không dễ chuyển đổi ngành nghề do việc làm xanh yêu cầu các kỹ năng chuyên môn cao (Jackman & Moore, 2021).

Việt Nam đang trong quá trình thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, trong đó, việc làm xanh là định hướng chiến lược quan trọng. Tuy nhiên, thúc đẩy tạo việc làm xanh có thể ảnh hưởng đến thu nhập của các nhóm lao động khác nhau, từ đó làm gia tăng bất bình đẳng. Vậy nên, nghiên cứu về bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh là cần thiết vì vấn đề này có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia đang xanh hóa nền kinh tế (Jackman & Moore, 2021); tuy nhiên, các nghiên cứu này ở Việt Nam còn hạn chế. Hầu hết các nghiên cứu trước đây chỉ xem xét về bất bình đẳng thu nhập dưới góc độ giới, khu vực làm việc, đặc điểm nền kinh tế (Duong và cộng sự, 2020; Nguyen, 2021...). Do vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu về bất bình đẳng thu nhập giữa người có việc làm xanh và không có việc làm xanh tại Việt Nam qua các yếu tố đặc điểm về cá nhân, lao động - việc làm và địa lý.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. *Phương pháp xác định việc làm xanh*

Bài viết xác định việc làm xanh ở cấp độ nghề nghiệp qua bảng phân loại nghề xanh do O*NET phát triển năm 2010, cơ sở dữ liệu phân loại nghề xanh dựa trên tính “xanh” của nhiệm vụ và áp dụng định nghĩa tương đối rộng về việc làm xanh, theo đó, bất kỳ nghề nào bị ảnh hưởng bởi quá trình xanh hóa đều được coi là việc làm xanh. Cụ thể, mã nghề theo O*NET chia thành hai nhóm: Việc làm xanh trực tiếp (xanh mới và mới nổi – Green NE), kỹ năng nâng cao xanh – Green ES), và việc làm xanh

gián tiếp (như cầu xanh gia tăng – Green ID). Trong đó, việc làm xanh gián tiếp là việc làm không chứa “nhiệm vụ xanh” mà sinh ra do quá trình xanh hóa (Valero và cộng sự, 2021) nên nhóm tác giả loại bỏ mã nghề “Green ID” khi xác định mã nghề xanh tại Việt Nam.

Để xác định mã nghề xanh tại Việt Nam cần có bảng chuyển đổi từ bảng phân loại mã nghề xanh O*NET SOC 2010 đến Danh mục nghề nghiệp Việt Nam (VSCO), cách xác định này đã được ILO sử dụng (World Bank, 2019). Tuy nhiên, do không tiếp cận được bảng chuyển đổi trực tiếp từ bảng phân loại mã nghề xanh O*NET đến VSCO nên nhóm tác giả sử dụng Danh mục nghề nghiệp tiêu chuẩn Mỹ (US SOC) và Bảng phân loại nghề nghiệp chuẩn quốc tế (ISCO-08) làm trung gian dựa trên ba cơ sở: (1) Danh mục O*NET SOC được xây dựng trên cơ sở US SOC; (2) VSCO được xây dựng trên cơ sở ISCO-08 (Tổng cục Thống kê, 2008); và (3) bảng chuyển đổi từ US SOC tới ISCO-08 đã được Cục Thống kê Lao động Mỹ phát hành. Từ đó, xác định mã nghề xanh tại Việt Nam bằng phương pháp tiếp cận xanh tối đa, một mã nghề VSCO tương đương với một trong hai loại mã nghề xanh của O*NET (Green NE hoặc Green ES) đều được coi là nghề xanh, phương pháp này cũng được áp dụng tại các nước EU và Anh (Bowen & Hancké, 2019). Cụ thể, cách thức xác định mã nghề xanh tại Việt Nam:

*(1) Chuyển đổi phân loại nghề nghiệp từ O*NET đến VSCO*

Bước 1: Chuyển đổi giữa các bản phát hành phân loại nghề nghiệp O*NET (O*NET SOC 2010 - O*NET SOC 2019);

Bước 2: Chuyển đổi từ O*NET SOC 2019 tới US SOC 2018;

Bước 3: Chuyển đổi từ US SOC 2018 tới ISCO-08;

Bước 4: Chuyển đổi từ ISCO-08 tới VSCO 2020;

Bước 5: Chuyển đổi giữa các bản phát hành phân loại nghề nghiệp VSCO (VSCO 2020 - VSCO 2008).

(2) Xác định mã nghề xanh tại Việt Nam: Sau khi tổng hợp bảng chuyển mã nghề từ O*NET đến VSCO, thực hiện đối chiếu, xác định mã nghề xanh tại Việt Nam theo phương pháp tiếp cận xanh tối đa ở trên.

3.2. Quy trình nghiên cứu

Bài viết sử dụng dữ liệu Điều tra Lao động Việc làm (LFS) giai đoạn 2020–2022. Mỗi năm, điều tra hơn 800.000 lao động trên phạm vi 63 tỉnh thành. Quy trình nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, từ danh mục mã nghề xanh được xác định ở phần 3.1, thực hiện tính tỷ lệ việc làm xanh và thống kê thu nhập trung bình giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh từ LFS cùng công cụ STATA 14.0.

Thứ hai, để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập, nghiên cứu sử dụng phương trình tiền lương của Mincer (1997) - một trong những mô hình được sử dụng phổ biến (Lemieux, 2006).

Phương trình tiền lương của Mincer (1997) như sau:

$$\ln(\text{Inc}_{it}) = \beta_{it}X_{it} + u_{it} \quad (1)$$

Trong đó:

Inc_{it} : Tổng thu nhập trong tháng t của lao động i ;

X_{it} : Các biến giải thích;

β_{it} : Các hệ số ước lượng;

u_{it} : Sai số tính đến các đặc điểm không quan sát được.

Thứ ba, nghiên cứu phân tích chênh lệch thu nhập giữa người có việc làm xanh và không có việc làm xanh bằng phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca. Hiện nay, phương pháp này được sử dụng phổ biến trong phân tích bất bình đẳng trên thị trường lao động, đặc biệt khi phân rã chênh lệch thu nhập theo giới hay lao động thành thị và nông thôn (Bediakon và cộng sự, 2022; Ionela-Roxana, 2022). Theo đó, phương trình phân rã gồm ba phần: (1) Các yếu tố có thể giải thích được (khác biệt do đặc điểm quan sát tạo ra), (2) các yếu tố không giải thích được (khác nhau liên quan đến các yếu tố không được quan sát), và (3) khác nhau do hai yếu tố trên xảy ra đồng thời thông qua phương trình (2):

$$\begin{aligned} \text{Ln}(\text{Inc}^{\text{GJ}_{it}}) - \text{Ln}(\text{Inc}^{\text{nGJ}_{it}}) &= (X^{\text{GJ}_{it}} - X^{\text{nGJ}_{it}}) \beta^{\text{GJ}_t} + (\beta^{\text{GJ}_t} - \beta^{\text{nGJ}_t}) X^{\text{nGJ}_{it}} + (X^{\text{GJ}_{it}} - X^{\text{nGJ}_{it}}) \\ &\quad (\beta^{\text{GJ}_t} - \beta^{\text{nGJ}_t}) + u_{it} \quad (2) \\ &= E + C + I \end{aligned}$$

Trong đó:

$\text{Ln}(\text{Inc}^{\text{GJ}_{it}})$ và $\text{Ln}(\text{Inc}^{\text{nGJ}_{it}})$: Thu nhập tương ứng của người có việc làm xanh và người không có việc làm xanh;

$X^{\text{GJ}_{it}}$ và $X^{\text{nGJ}_{it}}$: Các đặc điểm của người có việc làm xanh và người không có việc làm xanh (cá nhân, lao động - việc làm, địa lý);

β^{GJ_t} và β^{nGJ_t} : Các hệ số ước lượng;

u_{it} : Các biến không quan sát được;

E: Nhóm các yếu tố có thể giải thích được;

C: Nhóm các yếu tố không giải thích được;

I: Nhóm các yếu tố dẫn đến sự chênh lệch thu nhập do tương tác giữa E và C.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng về việc làm xanh tại Việt Nam

Xét theo cả nước, Bảng 1 cho thấy tỷ lệ việc làm xanh trung bình ở Việt Nam giai đoạn 2020–2022 chiếm 17,60%, tăng từ 15,40% năm 2020 lên 19,06% năm 2022. Ngoài ra, trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng việc làm xanh ở mức 23,77%. Điều này có thể giải thích do việc làm xanh được xác định là một trong những giải pháp chiến lược quan trọng trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn năm 2050.

Xét theo khu vực thành thị - nông thôn, tỷ lệ lao động có việc làm xanh ở hai khu vực đều có xu hướng tăng, cụ thể, so với năm 2020, tỷ lệ lao động có việc làm xanh ở thành thị và nông thôn năm 2022 tăng lần lượt 15,07% và 17,64%. Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động có việc làm xanh ở thành thị luôn lớn hơn nông thôn. Nguyên nhân có thể do thành thị có tư tưởng tiến bộ về chính trị, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển năng lượng sạch và hoạt động kinh doanh liên quan cũng như tăng trưởng việc làm xanh (Lee & van der Heijden, 2019).

Bảng 1.

Tỷ lệ việc làm xanh và tốc độ tăng trưởng tỷ lệ việc làm xanh cả nước giai đoạn 2020–2022 (%)

Khu vực	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Trung bình 3 năm	Tốc độ tăng trưởng
Cả nước	15,40	18,35	19,06	17,60	23,77
Thành thị	20,31	21,23	23,37	21,64	15,07
Nông thôn	15,87	17,60	18,67	17,38	17,64

Xét theo ngành kinh tế, tỷ lệ việc làm xanh giữa các ngành có sự chênh lệch đáng kể, cụ thể: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có tỷ lệ việc làm xanh thấp hơn 1%, điều này có thể do quá trình chuyển dịch sang việc làm xanh của ngành chưa đạt hiệu quả. Việt Nam mới hướng đến tính xanh của ngành trong những năm gần đây, tuy nhiên, việc thực hiện còn hạn chế do nền nông nghiệp Việt Nam đặc trưng bởi tính manh mún, nhỏ lẻ, năng lực tiếp cận khoa học của ngành còn thấp, việc lạm dụng hoá chất gây hại môi trường vẫn tồn tại, dẫn đến tỷ lệ việc làm xanh trong ngành ở dưới mức kỳ vọng (Trịnh Việt Tiến, 2024).

Tỷ lệ việc làm xanh trong ngành xây dựng cao nhất và luôn duy trì mức trên 85%, điều này có thể giải thích bởi hai lý do:

- *Một là*, xu hướng xanh hóa trong ngành xây dựng ngày càng được đẩy mạnh thông qua những công trình xanh. Bên cạnh đó, phát triển và ứng dụng vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng xanh là hoạt động ưu tiên thực hiện trong xây dựng đô thị tăng trưởng xanh năm 2018 (Bộ Xây dựng, 2018). Đến năm 2022, kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021–2030 xác định sản xuất vật liệu xây dựng xanh là một trong những nhiệm vụ quan trọng (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

- *Hai là*, lao động có việc làm xanh trong ngành xây dựng phần lớn thuộc nhóm không có trình độ chuyên môn kỹ thuật. McCoy và cộng sự (2012) chỉ ra rằng việc làm xanh trong ngành xây dựng thường không đặt nặng về trình độ chuyên môn vì có thể dễ dàng đào tạo người lao động, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc gia nhập ngành. Vì vậy, tỷ lệ lao động có việc làm xanh trong ngành xây dựng ngày càng tăng và đứng đầu cả nước.

Ngoài ra, một số ngành có tỷ lệ việc làm xanh cao trên 50% như: Khai khoáng; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải đều là những ngành có xu hướng liên quan đến môi trường, có thể áp dụng các công nghệ xanh vào quá trình thực hiện.

Bảng 2.

Tỷ lệ việc làm xanh giai đoạn 2020–2022 theo ngành kinh tế (%)

Mã ngành	Tên ngành	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tốc độ tăng trưởng (%)
A	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	0,40	0,55	0,73	83,58
B	Khai khoáng	55,67	54,92	53,15	-4,52
C	Công nghiệp chế biến, chế tạo	17,48	17,27	17,09	-2,22
D	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	55,88	51,99	54,53	-2,42
E	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	59,07	55,00	50,61	-14,32
F	Xây dựng	85,36	86,89	86,81	1,70
G	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	13,41	21,30	24,36	81,65
H	Vận tải kho bãi	27,47	25,30	24,69	-10,13
I	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,34	7,88	10,24	337,98
J	Thông tin và truyền thông	29,92	31,07	32,16	7,47
K	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	39,65	32,32	32,35	-18,42
L	Hoạt động kinh doanh bất động sản	11,54	16,03	13,75	19,15
M	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	35,44	36,83	35,37	-0,19
N	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	15,10	15,27	14,92	-1,17
O	Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	29,48	28,43	28,16	-4,47
P	Giáo dục và đào tạo	5,78	4,88	4,67	-19,18
Q	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	4,41	3,57	3,72	-15,71
R	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	6,10	7,02	6,74	10,47
S	Hoạt động dịch vụ khác	7,77	9,15	10,41	33,95
T	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tiêu dùng của hộ gia đình	0,73	0,81	1,75	138,06
U	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	8,48	24,36	12,34	45,57

4.2. Bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và lao động không có việc làm xanh

Bảng 3 cho thấy thu nhập trung bình của hai nhóm lao động không thay đổi nhiều trong giai đoạn nghiên cứu. Tuy nhiên, thu nhập trung bình giữa hai nhóm chênh lệch khá lớn, cụ thể, trong giai đoạn 2020–2022, lao động có việc làm xanh có thu nhập trung bình lớn hơn lần lượt 1,41; 1,27; 1,35 lần so với lao động không có việc làm xanh. Do vậy, có thể thấy tồn tại bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh, trong đó, việc làm xanh có mức thu nhập tốt hơn. Kết quả tương đồng với nghiên cứu của Muro và cộng sự (2011) và Jackman và Moore (2021), rằng tồn tại khoảng cách thu nhập giữa hai nhóm lao động này. Nguyên nhân có thể xuất phát từ khác biệt về kỹ năng của lao động (Jackman & Moore, 2021). Theo đó, việc làm xanh có xu hướng yêu cầu cao hơn về trình độ chuyên môn và kỹ năng hoặc yêu cầu những kỹ năng đặc thù (Consoli và cộng sự, 2016).

Bảng 3.

Thu nhập trung bình của lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh tại Việt Nam trong giai đoạn 2020–2022

Năm	Lao động có việc làm xanh (đồng)	Lao động không có việc làm xanh (đồng)
2020	7.156.006	5.086.723
2021	7.035.482	5.540.912
2022	8.350.587	6.200.661

Để làm rõ nguyên nhân gây ra bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh tại Việt Nam, nhóm tác giả phân tích qua phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca theo ba khía cạnh: Đặc điểm cá nhân, lao động - việc làm, và địa lý.

Bảng 4.

Kết quả phân rã Blinder-Oaxaca

Tính khác biệt	LnInc	Phân rã	LnInc
Giá trị trung bình nhóm lao động có việc làm xanh	8,813***	Yếu tố quan sát được (E)	0,132***
Giá trị trung bình nhóm lao động không có việc làm xanh	8,510***	Yếu tố không quan sát được (C)	0,204***
Sự khác biệt	0,303***	Yếu tố tương tác giữa E và C (I)	-0,033***

Ghi chú: Số quan sát: 730.685;

*** tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 1%.

Bảng 4 cho thấy logarit khoảng cách thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh là 0,303. Điều này giải thích rằng thu nhập trung bình của lao động có việc làm xanh bằng $e^{0,303} = 1,354$ lần lao động không có việc làm xanh. Bên cạnh đó, các yếu tố có thể quan sát (E) đã làm tăng 13,2% bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm lao động này thông qua sự khác nhau về kiến

thức, kỹ năng... Các yếu tố không quan sát được (C) làm tăng 20,4% trong bất bình đẳng giữa hai nhóm lao động. Trong khi đó, nhóm các yếu tố tác động đồng thời của thành phần quan sát được và không quan sát được (I) làm giảm 3,3% bất bình đẳng giữa hai nhóm lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh.

Bảng 5.

Kết quả phân rã sự khác biệt về thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh

Nhóm đặc điểm		E	C	I	Tổng
<i>Nhóm đặc điểm cá nhân</i>					
Giới tính	Nữ	0,059***	0,021***	-0,011***	0,069***
(Tham chiếu là nam)					
Tuổi	Tuổi	0,017***	0,377***	-0,018***	0,376***
Tình trạng hôn nhân	Có vợ/chồng	-0,000*	-0,046***	0,000*	-0,046***
(Tham chiếu là chưa vợ/chồng)					
	Góa	-0,002***	-0,003***	0,002***	-0,003***
	Ly hôn	0,000**	-0,003***	-0,000**	-0,003***
	Ly thân	0,000	-0,001***	-0,000	-0,001***
<i>Nhóm đặc điểm lao động - việc làm</i>					
Trình độ chuyên môn kỹ thuật	Sơ cấp	0,010***	-0,005***	-0,002***	0,003***
(Tham chiếu là không có chuyên môn)	Trung cấp	-0,000***	0,001***	-0,000**	0,001***
	Cao đẳng	-0,001***	0,001***	-0,000***	-0,000***
	Đại học trở lên	0,026***	0,008***	0,005***	0,039***
	Tập thể	-0,000***	0,000	0,000	0,000***
Loại hình doanh nghiệp	Tư nhân	-0,000	0,018***	0,009***	0,027***
(Tham chiếu là Nhà nước)					
	Hộ nông - lâm - thủy sản/cá nhân và kinh doanh cá thể	0,009***	0,150***	-0,009***	0,150***
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-0,001***	0,001*	-0,000*	0,000***
<i>Nhóm đặc điểm địa lý</i>					
Khu vực thành thị - nông thôn	Nông thôn	0,014***	0,073***	-0,008***	0,079***
(Tham chiếu là thành thị)					
	Đồng bằng sông Hồng	0,005***	-0,034***	-0,002***	-0,031***

Nhóm đặc điểm		E	C	I	Tổng
Vùng kinh tế (Tham chiếu là Trung du và Miền núi phía Bắc)	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	0,002***	-0,029***	-0,002***	-0,029***
	Tây Nguyên	-0,011***	-0,017***	0,007***	-0,021***
	Đông Nam Bộ	0,006***	-0,028***	-0,003***	-0,025***
	Đồng bằng sông Cửu Long	0,001***	-0,053***	-0,001***	-0,053***
Hàng số			-0,205***		
Tổng		0,132***	0,204***	-0,033***	0,303***

Ghi chú: E: Yếu tố quan sát được; C: Yếu tố không quan sát được; I: Yếu tố tác động đồng thời của thành phần quan sát được và không quan sát được;

*, **, *** lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%.

Kết quả phân rõ sự khác biệt về thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh tại Bảng 5 chỉ ra nguyên nhân bất bình đẳng thu nhập giữa hai đối tượng này tại Việt Nam. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, nhóm đặc điểm cá nhân làm tăng nhiều nhất (39,2%) bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Trong đó, đặc điểm về tuổi làm tăng 37,6% bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm lao động do sự khác biệt về kinh nghiệm, kỹ năng, trình độ chuyên môn của từng độ tuổi dẫn đến chênh lệch tiền lương. Kết quả tính toán của nhóm tác giả từ LFS cho thấy chênh lệch thu nhập trung bình giữa những lao động ở nhóm tuổi khác nhau, cụ thể, thu nhập trung bình của lao động từ 35–44 tuổi luôn cao nhất, còn lao động từ 65 tuổi trở lên thì ngược lại. Đặc điểm giới tính cũng góp phần làm tăng 6,9% bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm lao động, điều này có thể do quan niệm truyền thống, định kiến xã hội khiến thu nhập của nữ thường thấp hơn nam. Theo tính toán của nhóm tác giả, thu nhập trung bình giai đoạn 2020–2022 của lao động nữ có việc làm xanh và không có việc làm xanh (lần lượt là 6,39 triệu đồng; 4,48 triệu đồng) luôn thấp hơn lao động nam có việc làm xanh và không có việc làm xanh (lần lượt là 7,60 triệu đồng; 6,20 triệu đồng). Mặt khác, đặc điểm tình trạng hôn nhân lại làm giảm 5,3% chênh lệch thu nhập giữa hai nhóm lao động, trong đó tình trạng có vợ/chồng giảm bất bình đẳng thu nhập nhiều nhất.

- *Thứ hai*, nhóm đặc điểm lao động - việc làm tăng 22% bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Đóng góp của trình độ chuyên môn kỹ thuật làm tăng 4,3% bất bình đẳng thu nhập, trong đó nhóm trình độ từ đại học trở lên làm tăng bất bình đẳng thu nhập lớn nhất (3,9%). Bên cạnh đó, nhóm loại hình doanh nghiệp cũng làm tăng 17,7% bất bình đẳng thu nhập, trong đó, hộ nông - lâm - thủy sản/cá nhân và kinh doanh cá thể làm tăng tỷ lệ bất bình đẳng thu nhập nhiều nhất (15%). Nguyên nhân có thể do tỷ lệ lao động có việc làm xanh trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản thấp nhất cả nước (Bảng 2), từ đó, khi lao động trong ngành này tăng lên sẽ làm giãn rộng khoảng cách về lao động cũng như thu nhập giữa hai đối tượng.

- *Thứ ba*, nhóm đặc điểm địa lý làm giảm 8% bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Trong đó, đặc điểm của khu vực thành thị - nông thôn làm tăng 7,9% bất bình đẳng thu nhập. Ngoài ra, đặc điểm vùng kinh tế làm giảm 15,9% chênh lệch thu nhập

giữa hai nhóm lao động, trong đó, Đồng bằng sông Cửu Long làm giảm tỷ lệ bất bình đẳng thu nhập nhiều nhất (5,3%), Tây Nguyên làm giảm tỷ lệ bất bình đẳng thu nhập ít nhất (2,1%).

Như vậy, nhóm đặc điểm cá nhân và lao động - việc làm tăng bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh tại Việt Nam, trong khi nhóm đặc điểm về địa lý có tác động ngược lại.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận việc làm xanh theo cấp nghề nghiệp của O*NET và chuyển đổi mã nghề xanh từ O*NET sang VSCO. Từ đó, tính toán cụ thể tỷ lệ việc làm xanh tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra tồn tại bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh và cho thấy nguyên nhân gây nên bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm bằng phương pháp phân rã Blinder-Oaxaca qua đặc điểm cá nhân, lao động - việc làm, và địa lý. Theo đó, kết quả nghiên cứu cho thấy một số hàm ý về mặt lý thuyết và thực tiễn.

- *Về mặt lý thuyết*, thông qua thực hiện bảng chuyển đổi mã nghề từ O*NET sang VSCO, nghiên cứu đề xuất phương pháp đo lường cụ thể việc làm xanh tại Việt Nam. Đồng thời, nhóm tác giả chỉ ra tồn tại bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh và phân rã sự khác biệt về thu nhập giữa hai nhóm, từ đó chỉ ra nguyên nhân gây nên bất bình đẳng thu nhập giữa hai nhóm. Do đó, nghiên cứu kỳ vọng là tiền đề cho nghiên cứu sau tiếp tục hoàn thiện phương pháp xác định việc làm xanh cũng như phân tích yếu tố liên quan đến việc làm xanh.

- *Về mặt thực tiễn*, nước ta chưa có khái niệm chính thức và phương pháp xác định việc làm xanh trực tiếp. Vì thế, nghiên cứu về khái niệm và đo lường việc làm xanh tại Việt Nam là thiết yếu. Theo đó, Chính phủ cần thống nhất khái niệm cũng như cách đo lường việc làm xanh phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và bối cảnh đất nước.

Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra tồn tại sự bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh do việc làm xanh có mức thu nhập trung bình cao hơn, vì vậy, phát triển việc làm xanh là cần thiết để tăng thu nhập cho người lao động. Do đó, Chính phủ cần có những chính sách khuyến khích doanh nghiệp tạo việc làm xanh bằng cách xanh hoá quy trình sản xuất và quy trình quản trị, khuyến khích đầu tư nghiên cứu và phát triển các công nghệ, sản phẩm có tính bảo vệ môi trường. Ngoài ra, khuyến khích người lao động tham gia vào việc làm xanh qua tuyên truyền về ưu thế của việc làm xanh, đặc biệt về thu nhập bình quân để đẩy nhanh quá trình chuyển dịch sang việc làm xanh.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra nhóm đặc điểm cá nhân và lao động - việc làm là nguyên nhân gây ra bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh. Trong đó, đặc điểm giới tính, trình độ chuyên môn kỹ thuật (đại học trở lên) góp phần lớn làm tăng khoảng cách thu nhập. Do đó, cần gia tăng giải pháp đẩy lùi định kiến giới, thúc đẩy bình đẳng giới và tạo điều kiện gia tăng tỷ lệ nữ giới tham gia vào nền kinh tế xanh. Bên cạnh đó, khuyến khích đào tạo, hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật với lao động có trình độ thấp cũng là giải pháp tăng tỷ lệ việc làm xanh, cải thiện thu nhập cho người lao động.

Kết quả cũng chỉ ra nguyên nhân làm giảm bất bình đẳng thu nhập giữa lao động có việc làm xanh và không có việc làm xanh là nhóm đặc điểm địa lý bao gồm vùng kinh tế và khu vực thành thị - nông

thôn. Do đó, nên đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế, cải thiện cơ cấu thành thị - nông thôn. Từ đó, tạo điều kiện đô thị hóa một cách có quy hoạch, định hướng rõ ràng. Tuy nhiên, nghiên cứu không thể tránh khỏi một số hạn chế. Cụ thể:

- *Thứ nhất*, nhóm tác giả sử dụng phương trình tiền lương của Mincer kết hợp với phương pháp Blinder – Oaxaca. Mặc dù phương trình tiền lương xuất hiện từ lâu nhưng đến nay, đây vẫn được coi là một trong những mô hình kinh điển được nhiều học giả tin dùng khi kết hợp với phương pháp Blinder-Oaxaca như nghiên cứu của Ionela-Roxana (2022), White (2023)... Tuy sự kết hợp này tồn tại một số hạn chế như chưa phản ánh được hết các nhóm đặc điểm có thể ảnh hưởng đến thu nhập và bất bình đẳng thu nhập nhưng xét trong khía cạnh mục tiêu nghiên cứu và nguồn lực hiện có, nhóm tác giả nhận thấy phương pháp và các yếu tố đang sử dụng là phù hợp. Bên cạnh đó, phương trình tiền lương Mincer có thể xảy ra vấn đề nội sinh nhưng do giới hạn về dữ liệu khi sử dụng bộ LFS nên chưa xử lý được triệt để vấn đề này trong mô hình, ví dụ như nghiên cứu của Vũ Hoàng Ngân và Nghiêm Thị Ngọc Bích (2021) cũng chưa giải quyết được vấn đề nội sinh do giới hạn dữ liệu. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo có thể tiếp cận phương pháp toàn diện hơn để phân tích, đồng thời đánh giá thêm các đặc điểm khác ảnh hưởng đến thu nhập và bất bình đẳng thu nhập.

- *Thứ hai*, phương pháp xác định và đo lường việc làm xanh tại Việt Nam dựa trên cách tiếp cận của O*NET là phù hợp nhất với bối cảnh và bộ dữ liệu sẵn có hiện nay của Việt Nam. Tuy nhiên, nhóm tác giả nhận thấy khái niệm việc làm xanh theo ILO là toàn diện và bao quát hơn nhưng do Việt Nam không có đủ dữ liệu cần thiết để có thể xác định việc làm xanh như khuyến nghị, vì vậy, trong tương lai, nhóm tác giả kỳ vọng Việt Nam sẽ xây dựng bộ chỉ số điều tra để tiếp cận việc làm xanh một cách toàn diện nhất.

Tài liệu tham khảo

- Al-Ammarat, F. M., & Al-Mashaqaba, K. M. (2022). The impact of green jobs on the environment. *International Journal of Intellectual Human Resource Management*, 3(2), 20-26.
- Bediakon, K., Croi, K., Koko, K., & Boua, A. (2022). Wage inequality between men and women in Côte D'Ivoire: An Oaxaca-Blinder decomposition method. *Theoretical Economics Letters*, 12(1), 52-75. <https://doi.org/10.4236/tel.2022.121004>
- Bergant, K., Mano, R. C., & Shibata, I. (2023). *How the green transition will impact U.S. jobs*. Retrieved January 17, 2024, from <https://www.imf.org/en/News/Articles/2022/12/12/cf-how-the-green-transition-will-impact-us-jobs>
- Bowen, A., & Hancké, B. (2019). *The social dimensions of 'greening the economy': Developing a taxonomy of labour market effects related to the shift toward environmentally sustainable economic activities*. Publications Office of the European Union. Retrieved from <https://op.europa.eu/en/publication-detail/-/publication/24c67b4c-3293-11ea-ba6e-01aa75ed71a1>
- Bộ Xây dựng. (2018). *Thông tư số 01/2018/TT-BXD quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh*. Ban hành ngày 05 tháng 1 năm 2018. Truy cập từ <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=194055>

- Bureau of Labor Statistics. (2012). *Measuring Green Jobs*. Retrieved January 22, 2024, from <https://www.bls.gov/green/home.htm>
- Cao Thúy Xiêm, Đỗ Văn Huân, & Trương Đoàn Thê. (2022). Các yếu tố quyết định tính bền vững của các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 303(2), 110-120.
- Chen, G., & Hamori, S. (2013). Formal and informal employment and income differentials in urban China. *Journal of International Development*, 25(7), 987-1004. <https://doi.org/10.1002/jid.1825>
- Consoli, D., Marin, G., Marzucchi, A., & Vona, F. (2016). Do green jobs differ from non-green jobs in terms of skills and human capital?. *Research Policy*, 45(5), 1046-1060. <https://doi.org/10.1016/j.respol.2016.02.007>
- Duong, Q. N., Tran, H. T. L., Nguyen. T. C. L., & Doan, T. A. (2020). Income gap in Vietnam using Bayesian quantile regression. *Journal of Applied Economics & Business Research*, 10(1), 11-21.
- Florida, R., & Mellander, C. (2016). The geography of inequality: Difference and determinants of wage and income inequality across US metros. *Regional Studies*, 50(1), 79-92. <https://doi.org/10.1080/00343404.2014.884275>
- Fortin, N. M., Bell, B., & Böhm, M. (2017). Top earnings inequality and the gender pay gap: Canada, Sweden, and the United Kingdom. *Labour Economics*, 47, 107-123.
- Hạnh Lê. (2023). *Xanh hoá kinh tế, nhu cầu việc làm sẽ thay đổi thế nào?*. Truy cập ngày 10/01/2024, từ <https://diendandoanhnghiep.vn/xanh-hoa-kinh-te-nhu-cau-viec-lam-se-thay-doi-the-nao-245612.html>
- Harris, L. (2021). *The challenges of defining a "green job"*. Office for National Statistics. Retrieved from <https://www.ons.gov.uk/economy/environmentalaccounts/methodologies/thechallengesofdefiningagreenjob>
- ILO. (2016). *What is a green job?*. Retrieved January 22, 2024, from https://www.ilo.org/global/topics/green-jobs/news/WCMS_220248/lang--en/index.htm
- Ionela-Roxana, P. (2022). The role of education in rural-urban wage gap for Romania: A Blinder-Oaxaca decomposition. *Annals of Constantin Brancusi University of Targu-Jiu, Economy Series*, 4, 216-224
- Jackman, M., & Moore, W. (2021). Does it pay to be green? An exploratory analysis of wage differentials between green and non-green industries. *Journal of Economics and Development*, 23(3), 284-298.
- Kozar, Ł. J., & Sulich, A. (2023). Green jobs: Bibliometric review. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 20(4), 2886.
- Lemieux, T. (2006). The 'Mincer equation' thirty years after schooling, experience, and earnings. In *Jacob Mincer: A Pioneer of Modern Labor Economics* (pp. 127-145). Springer.
- Lee, T., & van der Heijden, J. (2019). Does the knowledge economy advance the green economy? An evaluation of green jobs in the 100 largest metropolitan regions in the United States. *Energy & Environment*, 30(1), 141-155.
- Lê Quốc Hội. (2010). Sử dụng mô hình kinh tế lượng đánh giá tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 234, 16-22.

- McCoy, A. P., O'Brien, P., Novak, V., & Cavell, M. (2012). Toward understanding roles for education and training in improving green jobs skills development. *International Journal of Construction Education and Research*, 8(3), 186-203.
- Mincer, J. (1997). The production of human capital and the life cycle of earnings: Variations on a theme. *Journal of Labor Economics*, 15(1), 26-47.
- Muro, M., Rothwell, J., & Saha, D. (2011). *Sizing the clean economy: A national and regional green jobs assessment*. Brookings. Retrieved from <https://www.brookings.edu/research/sizing-the-clean-economy-a-national-and-regional-green-jobs-assessment>
- Nguyễn Quỳnh Hoa. (2020). Việc làm xanh ở Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách nhằm hướng tới phát triển bền vững. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 278(II), 48-57.
- Nguyen, H. Q. (2021). Factors impacting on income inequality in Vietnam: GMM model estimation. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(2), 635-641.
- OECD. (2011). *Society at a glance 2011: OECD Social indicators*. Truy cập ngày 22/1/2024, từ <https://www.oecd.org/berlin/47570121.pdf>
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). *Quyết định số 1658/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*, ban hành ngày 01 tháng 10 năm 2021.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 882/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030*, ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2022.
- Tổng cục Thống kê. (2008). *Quyết định 1019/QĐ-TCTK 2008 danh mục nghề nghiệp áp dụng cho điều tra dân số*, ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2008.
- Tổng cục thống kê. (2021). *Xu hướng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập ở Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020*. Truy cập ngày 24/1/2024, từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/xu-huong-bat-binh-dang-trong-phan-phoi-thu-nhap-o-viet-nam-giai-doan-2016-2020/>
- Tổng cục Thống kê. (2023). *Hội thảo việc làm xanh trong triển khai chiến lược tăng trưởng xanh*. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-khac/2023/06/hoi-thao-viec-lam-xanh-trong-trien-khai-chien-luoc-tang-truong-xanh/>
- Trịnh Việt Tiến. (2024) *Phát triển nông nghiệp xanh: Thực trạng và một số giải pháp*. Truy cập ngày 7/4/2024, từ <https://kinhtevadubao.vn/phat-trien-nong-nghiep-xanh-thuc-trang-va-mot-so-giai-phap-28049.html>
- Valero, A., Li, J., Muller, S., Riom, C., Nguyen Tien, V. & Draca, M. (2021). *Are 'green' jobs good jobs?*. Centre for Economic Performance. Retrieved from <https://www.lse.ac.uk/granthaminstitute/publication/are-green-jobs-good-jobs-how-lessons-from-the-experience-to-date-can-inform-labour-market-transitions-of-the-future/>
- Vũ Hoàng Ngân, & NghiêM Thị Bích Ngọc. (2021). Ảnh hưởng của thời gian cho công việc nhà đến khoảng cách tiền lương theo giới trên thị trường lao động ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 290(2), 2-11.
- White, R. (2023). Estimating wage discrimination and examining variation across worker groups. In *Intersectionality and Discrimination* (pp. 73-108). Springer.

World Bank. (2019). *Skills Profiling of Priority Occupations in Vietnam*. Washington D.C: World Bank Group.